

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-ST.
Ngày: 13/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng đặt cọc. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST – DS ngày 05/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-DS ngày 25/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã LB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn A, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồng M (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh T trình bày:

Nguyên ông T có thiếu tiền mua lúa của ông là 43.000.000 đồng nhưng hẹn hoài chưa trả nên vào ngày 09/9/2021 dương lịch, ông Nguyễn A có làm biên

nhận viết tay lập ngày 09/9/2021 thừa nhận thiếu nợ tiền lúa của ông là 43.000.000 đồng và hứa bốn ngày sau sẽ trả đủ nhưng đến ngày hẹn vẫn chưa có trả tiền cho ông, kéo dài đến ngày 28/02/2022 dương lịch thì ông A trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại tiền lúa 13.000.000 đồng. Số tiền trả cho ông 30.000.000 đồng thực chất là chưa có trả mà là ông đặt tiền cọc lúa cho ông A luôn, ông đưa thêm cho ông A số tiền 30.000.000 đồng, tính ra số tiền đặt cọc lúa là 60.000.000 đồng và làm hợp đồng mua bán lúa khô – lúa tươi lập ngày 28/02/2022. Tuy nhiên, khi cắt lúa xong ông A không giao lúa cho ông, ông có đến tìm ông A nhiều lần để yêu cầu ông A giao trả tiền đặt cọc lại cho ông nhưng ông A vẫn cứ hứa hẹn cho qua lề chứ không có trả tiền cho ông.

Do ông A không giao lúa cho ông nên ông xảy ra thiệt hại cho ông, trong đơn kiện ông có yêu cầu ông A bồi thường tiền cọc cho ông số tiền 36.000.000 đồng và yêu cầu vợ ông A là bà Mộng phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ lúa và tiền đặt cọc nhưng ông xin rút lại một phần đơn kiện. Cụ thể rút lại số tiền yêu cầu bồi thường 36.000.000 đồng, và rút yêu cầu đối với bà M. Chỉ yêu cầu ông Nguyễn A có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua lúa còn nợ là 13.000.000 đồng và tiền đặt cọc là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 73.000.000 đồng. Ngoài ra, ông xin được vắng mặt khi xét xử.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng M vắng mặt, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn A, bà Hồng M được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn A, bà Hồng M vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt cũng không có yêu cầu xin vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn A trả cho ông Huỳnh T số tiền mua lúa còn nợ là 13.000.000 đồng và số tiền đặt cọc là 60.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với việc rút lại số tiền bồi thường thiệt hại 36.000.000 đồng và đình chỉ đối với yêu cầu buộc người liên quan liên đới trả tiền cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Huỳnh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, không có đơn xin vắng mặt cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Xét yêu cầu rút một phần đơn kiện: nguyên đơn ông T rút một phần đơn khởi kiện, cụ thể rút lại yêu cầu ông A bồi thường thiệt hại số tiền 36.000.000 đồng và nguyên đơn ông T rút lại yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng M cùng có trách nhiệm liên đới với ông A trả nợ cho ông. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với số tiền bồi thường thiệt hại 36.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu buộc bà M chịu trách nhiệm liên đới cùng ông A trả nợ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Huỳnh T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn A trả số tiền mua lúa giống còn thiếu là 13.000.000 đồng và số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là biên nhận lập ngày 09/9/2021 và hợp đồng mua bán lúa khô – lúa tươi lập ngày 28/02/2022, bị đơn ông A hiện nay không có mặt ở địa phương nên không thể hiện ý kiến trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử nhận thấy,

[2.1.1] Theo biên nhận lập ngày 09/9/2021 do ông T cung cấp nội dung *“Tôi: Nguyễn A có nợ tiền lúa của Huỳnh T số tiền 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) và hứa với anh T 4 ngày trả đủ nếu không đúng hẹn tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm Ngã Năm 09-09-2021 365 883 685*

A
Nguyễn A”

Căn cứ vào biên nhận lập ngày 09/9/2021 thì ông A còn nợ ông T số tiền 43.000.000 đồng nhưng ông T xác định ngày 28/02/2022 thì ông T đã dùng 30.000.000 đồng thiếu trong biên nhận này để đặt cọc cho ông A mua lúa của ông A cho nên theo biên nhận này thì ông A còn nợ ông T số tiền 13.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[2.1.2] Theo hợp đồng mua bán lúa khô – lúa tươi lập ngày 28/02/2022 có nội dung xác định ông Huỳnh T có đặt cọc cho ông Nguyễn A số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để mua giống lúa ST24, số lượng 200 công, số lúa 180 tấn, giá lúa 7.100 ký lọt lòng ghe, ngày cắt 22/02/2022.

[2.2] Mặc dù ông A không có mặt ở địa phương để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng lời trình bày của nguyên đơn ông T vẫn được đánh giá là thành thật, phù

hợp với tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Cho nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định ông Nguyễn A còn nợ ông Huỳnh T số tiền mua lúa là 13.000.000 đồng và tiền đặt cọc mua lúa là 60.000.000 đồng. Đến thời điểm này ông A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của người mua lúa tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 và nghĩa vụ của người nhận tiền cọc tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông A trả lại hai khoản tiền này là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông A phải chịu là $73.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.650.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 328, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T về việc yêu cầu ông Nguyễn A trả số tiền mua bán lúa giống và tiền đặt cọc.

Buộc ông Nguyễn A trả cho ông Huỳnh T số tiền tổng cộng là 73.000.000 đồng (Bảy mươi ba triệu đồng). Trong đó tiền mua lúa là 13.000.000 đồng và tiền đặt cọc là 60.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông T yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông A còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng M cùng ông Nguyễn A liên đới trả tiền lúa và tiền đặt cọc cho nguyên đơn.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.650.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Huỳnh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.725.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006427 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU**

Đặng Thị Vàng